



QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng hóa đơn điện tử

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II TNNH MTV

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh số: 0300555450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/05/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Áp dụng hình thức hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn Công ty từ ngày 01/07/2018 trên cơ sở hệ thống thiết bị và các bộ phận kỹ thuật liên quan bao gồm các đơn vị như sau:

1. Phạm vi áp dụng hóa đơn điện tử:

- Chi nhánh Công ty Xăng Dầu Khu Vực II TNNH Một Thành Viên – cửa hàng xăng dầu Tân Đức
Địa chỉ: Lô số 41, đường số 15B, Khu công nghiệp Tân Đức, tỉnh Long An
MST : 0300555450-006
- Chi nhánh Công ty Xăng Dầu Khu Vực II TNNH Một Thành Viên – cửa hàng xăng dầu An Phú
Địa chỉ: Thửa đất số 72, Tờ bản đồ 143 (C3), KP. 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
MST : 0300555450-007

2. Hệ thống thiết bị (Phụ lục 1)

3. Phần mềm ứng dụng

VNPT-Invoice: được phát triển bởi Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông.

4. Bộ phận kỹ thuật hoặc tên nhà cung ứng dịch vụ chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật hóa đơn điện tử, phần mềm ứng dụng

Phòng Công Nghệ Thông tin Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam đảm bảo hệ thống thiết bị như đã nêu tại phụ lục 1 được vận hành liên tục không phát sinh sự cố trong quá trình phát hành hóa đơn. Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông chịu trách nhiệm bảo trì và nâng cấp tính năng của VNPT-Invoice phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 2: Mẫu hoá đơn điện tử và mục đích sử dụng của mỗi loại hóa đơn

Hóa đơn giá trị gia tăng: Mẫu số: 01GTKT0/002

Mục đích sử dụng: Sử dụng cho mục đích khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với hàng hoá dịch vụ trong nước chịu thuế GTGT.

Điều 3: Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử

- Định dạng truyền - nhận - lưu trữ của hóa đơn là định dạng XML. Định dạng hiển thị được quy định bởi XSLT (Extensible Stylesheet Language Transformations). Chữ ký số chọn tiêu chuẩn chữ ký điện tử XML (DSig) (Phụ lục 2)
- Dữ liệu hóa đơn được nhập từ dữ liệu cung cấp bởi phòng các phòng ban, đơn vị theo phân công, phân cấp hoặc nhập trực tiếp trên màn hình nhập liệu.
- Hóa đơn điện tử được gửi tới người nhận (khách hàng/đối tác) qua email hoặc truy cập trực tiếp từ website của Công ty.
- Hóa đơn được tạo lập trên hệ thống VNPT-Invoice của Công ty Xăng Dầu Khu Vực II TNHH MTV, các đơn vị trực thuộc.
- Các hóa đơn sau khi lập sẽ được lưu trữ trên hệ thống server của Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam, Tập Đoàn có các giải pháp lưu trữ, sao lưu đảm bảo chống mất mát, dễ dàng phục hồi, phòng chống thảm họa

Điều 4: Trách nhiệm của từng bộ phận trực thuộc liên quan việc khởi tạo, lập, xử lý, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử trong nội bộ tổ chức bao gồm cả trách nhiệm của người được thực hiện chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy.

- Các phòng ban, đơn vị tạo lập hóa đơn, kiểm tra, báo cáo sử dụng hóa đơn theo phân công, phân cấp.
- Bộ phận CNTT Công ty, các đơn vị: Hỗ trợ hạ tầng, máy tính, đường truyền, an toàn thông tin để hệ thống VNPT-Invoice vận hành trong điều kiện tốt nhất.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2018. Các ông, bà Kế toán trưởng, Trưởng phòng CNTT, Giám Đốc các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thuế Tỉnh Bình Dương;
- Cục Thuế Tỉnh Long An;
- Chủ Tịch (để báo cáo);
- Giám Đốc (để chỉ đạo);
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu VT, KTTC



Trịnh Bá Bộ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Tên tổ chức khởi tạo hoá đơn: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II TNHH MTV
2. Mã số thuế: 0300555450.....
3. Địa chỉ trụ sở chính: 15 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
4. Điện thoại: (08) 3829 2081 - Fax: (08) 3822 2082.....
5. Các loại hoá đơn phát hành:

STT	Tên loại hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Số lượng	Từ số	Đến số	Ngày bắt đầu sử dụng
1	Hóa đơn GTGT	01GTKT0/002	AC/18E	200	0000001	0000200	01/07/2018
2	Hóa đơn GTGT	01GTKT0/002	AN/18E	10.000	0000001	0010000	01/07/2018
3	Hóa đơn GTGT	01GTKT0/002	LC/18E	400	0000001	0000400	01/07/2018
4	Hóa đơn GTGT	01GTKT0/002	LN/18E	11.000	0000001	0011000	01/07/2018

6. Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo: Cục thuế TP. Hồ Chí Minh

7. Ghi rõ “*Đăng ký sử dụng dấu phân cách là dấu phẩy (,) sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ và sử dụng dấu chấm (.) sau chữ số hàng đơn vị để ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị*” trong trường hợp tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử sử dụng dấu phân cách là dấu phẩy (,) sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ và sử dụng dấu chấm (.) sau chữ số hàng đơn vị.

TP.HCM, ngày 26 tháng 06 năm 2018 *khơ*
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trịnh Bá Bộ



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

THANH MIỀN

Mã số thuế: 0300555450

Đ/C: 19 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

- TNHH MTV - CHXD AN PHÚ

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD AN PHÚ Mã số thuế: 0300555450-007

Địa chỉ: Thửa đất số 72, tờ bản đồ 143(C3), khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Cửa hàng số:

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng:

Địa chỉ:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày tháng năm

Mẫu số: 01GKT0/002

Ký hiệu: BC/18E

Số: 0000000

Mã số thuế:

Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Cộng tiền hàng:		
			Tiền thuế GTGT (%)		
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY XĂNG
DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD
AN PHÚ

Ký ngày:

Mã tra cứu:

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 010669728 - Tel: 18001260



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

TNHH MTV

Mã số thuế: 0300555450
Địa chỉ: Thửa đất số 72, tờ bản đồ 143(C3), khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

TNHH MTV - CHXD AN PHÚ

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD AN PHÚ Mã số thuế: 0300555450-007

Địa chỉ: Thửa đất số 72, tờ bản đồ 143(C3), khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Cửa hàng số:

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng:

Địa chỉ:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày tháng năm

Mẫu số: 01GKT0/002

Ký hiệu: BN/18E

Số: 0000000

Mã số thuế:

Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Cộng tiền hàng:		
			Tiền thuế GTGT (%)		
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY XĂNG
DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD
AN PHÚ
Ký ngày:

Mã tra cứu:

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 010669738 - Tel: 18001260



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

TNHH MTV

Mã số thuế: 0300555450

Địa chỉ: 15 Đường Nguyễn Huệ, Q.1, TP Hồ Chí Minh

CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

- TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC

Đơn vị bán hàng: CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC

Địa chỉ: Lô Số 41, Đường Số 15B, Khu Công Nghiệp Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Cửa hàng số:

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng:

Địa chỉ:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày tháng năm

Mẫu số: 01GTKT0/002

Ký hiệu: LN/18E

Số: 0000000

Mã số thuế: 0300555450-006

Mã số thuế:

Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Công tiền hàng:		
			Tiền thuế GTGT (%)		
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU

VỰC II - TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC

Ký ngày:

Mã tra cứu:

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày tháng năm

Mẫu số: 01GTKT0/002

Ký hiệu: LC/18E

Số: 0000000

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II
TNHH MTV
Mã số thuế: 0300555450
Địa chỉ: Lô Số 41, Đường Số 15B, Khu Công Nghiệp Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II
- TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC

Đơn vị bán hàng: CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II - TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC
Địa chỉ: Lô Số 41, Đường Số 15B, Khu Công Nghiệp Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
Cửa hàng số:
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng:
Địa chỉ:

Mã số thuế: 0300555450-006

Mã số thuế:

Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Cộng tiền hàng:		
			Tiền thuế GTGT (%)		
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mã tra cứu:

Signature Valid

Ký bởi: CN CÔNG TY XĂNG DẦU KHU

VỰC II - TNHH MTV - CHXD TÂN ĐỨC

Ký ngày:

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106669738 - Tel: 1800 1260



PHỤ LỤC 1

(Theo QĐ số 1695/PLXKV2-KTTC ngày 26 / 06 / 2018

HỆ THỐNG THIẾT BỊ

- SERVER (Số lượng: 10)

- **PowerEdge(TM) M710HD:**
02 x Intel(R) Xeon(R) Processor E5607 2.26GHz, 8MB Cache, 4.80 GT/s QPI, 4C.
- 16GB Memory (4x4GB).
- 600 GB 2.5-inch; 6Gbps SAS: 02 chiếc
- Card Raid hỗ trợ Raid 0,1: 01 chiếc
- Gigabit Ethernet (Onboard Broadcom 5709: 04 Port 1GbE NIC
- Hỗ trợ tính năng TOE (TCP offload Engine)

- SWITCH (Số lượng: 1)

- 24 Ethernet 10/100/1000 PoE+ ports
- 370W PoE capacity
- LAN Base image

- HSM (Số lượng 1)

Cryptographic APIs

- PKCS#11, Microsoft CAPI and CNG, JCA/JCE, OpenSSL

Cryptographic Functions

- FIPS 140-2 approved DRBG (SP 800-90 CTR mode)
- RSA, DSA and ECDSA signing

Cryptographic Algorithms

- Full Suite B support
- Asymmetric Key with Diffie-Hellman
(1024-4096 bit), RSA (1024-8192 bit) & (PKCS#1 v1.5, OAEP PKCS#1 v2.0),

Digital Signing via RSA (1024-8192bit), DSA (1024 & 2048 bit),
(PKCS#1v1.5) & Symmetric Keys through 3DES, (double & triple key lengths),
AES, RC2, RC4, RC5, CAST-128. Message Digest is SHA-1, SHA-224, SHA-
256,
SHA-384 & SHA-512, MD-5 & MAC are HMAC-MD5, HMAC SHA-1,
SSL3-MD5-MAC, SSL3-SHA-1-MAC, Elliptic Curve Cryptography(ECC),
Korean Algorithms. ECC Brainpool Curves (named & user-defined)

Certifications

- U/L 1950 (EN60950) & CSA C22.2
- FCC Part 15 - Class B
- RoHS
- BAC & EAC

Physical Characteristics Connectivity

- 2x 10/100/1000 Ethernet, CAT5, UTP
- Up to 800 simultaneous NTLS connections
- Luna PED authentication port
- Local serial console port
- Luna Token PC-Card reader and/or G5 connection via USB

- LOADBALANCER

- Throughput 1 Gbps
- Number of Cores: 4
- Number of CPUs: 1
- SSL CPS: 500 CPS scalable up to 5,000 CPS
- Compression: 100 Mbps scalable up to 1 Gbps
- Routing Protocols: OSPF, RIP, RIP II
- Processor: Intel Core 2 quad-core 2.6 GHz
- Memory: 4 GB
- Gigabit/GBIC Ports: 6 Gigabit Ethernet Ports (Copper) + 2 Gigabit Fiber Ports (SFP-GBIC Mini)



PHỤ LỤC 2

(Theo QĐ số 1695 /PLXKV2-KTTC ngày 26 / 06 / 2018

MẪU HÓA ĐƠN

1. MẪU DỮ LIỆU CỦA HÓA ĐƠN

<Invoice>
<Content Id="SigningData">
<ArisingDate></ArisingDate>
<InvoiceName></InvoiceName>
<InvoicePattern></InvoicePattern>
<SerialNo></SerialNo>
<InvoiceNo></InvoiceNo>
<Kind_of_Payment></Kind_of_Payment>
<ComName></ComName>
<ComTaxCode></ComTaxCode>
<ComAddress></ComAddress>
<ComPhone></ComPhone>
<ComBankNo></ComBankNo>
<ComBankName></ComBankName>

<CusCode></CusCode>
<CusName></CusName>
<CusTaxCode></CusTaxCode>
<CusPhone></CusPhone>
<CusAddress></CusAddress>
<CusBankNo></CusBankNo>
<CusBankName></CusBankName>

<Total></Total>
<Amount></Amount>
<Amount_words></Amount_words>
<KindOfService />
<VAT_Amount></VAT_Amount>
<VAT_Rate></VAT_Rate>
<Discount_Rate></Discount_Rate>
<Discount_Amount></Discount_Amount>





```
<Products>
  <Product>
    <ProdName></ProdName>
    <ProdUnit ></ProdUnit >
    <ProdQuantity></ProdQuantity>
    <ProdPrice></ProdPrice>
    <Amount></Amount>
    <Discount></Discount>
    <DiscountAmount></DiscountAmount>
    <VATRate></VATRate>
    <VATAmount></VATAmount>
  </Product>
</Products>
<Extra></Extra>
<SignDate></SignDate>
<isReplace></isReplace>
<isAdjust></ isAdjust >
</Content>
</Invoice>
```

Ghi chú:

- isReplace chỉ có trong dữ liệu hóa đơn khi hóa đơn là hóa đơn thay thế
- isAdjust chỉ có trong dữ liệu hóa đơn khi hóa đơn là hóa đơn điều chỉnh cho một hóa đơn khác

2. GIẢI THÍCH THÔNG TIN CỦA MẪU DỮ LIỆU HÓA ĐƠN

- ArisingDate: Ngày Tháng năm của hóa đơn
- InvoiceName: Tên hóa đơn
- SerialNo: Kí hiệu hóa đơn
- InvoicePattern: Kí hiệu mẫu hóa đơn
- InvoiceNo: Số hóa đơn
- SignDate: Ngày xuất hóa đơn
- KindOfService: tháng hóa đơn
- Kind_of_Payment: Hình thức thanh toán
- ComName: Tên đơn vị bán hàng
- ComTaxCode: Mã số thuế của đơn vị bán hàng
- ComAddress: Địa chỉ đơn vị bán hàng
- ComPhone: Số điện thoại của đơn vị bán hàng
- ComBankNo: Số tài khoản ngân hàng của đơn vị bán hàng
- ComBankName: Tên ngân hàng mở tài khoản của đơn vị bán hàng
- CusCode: Mã khách hàng
- CusName: Tên khách hàng
- CusTaxCode: Mã số thuế khách hàng

- CusPhone: Số điện thoại khách hàng
- CusAddress: Địa chỉ khách hàng
- CusBankNo: Số tài khoản của khách hàng
- CusBankName: Tên ngân hàng mở tài khoản của khách hàng
- Total: Tổng tiền hàng hóa – dịch vụ
- VAT_Rate: Thuế suất giá trị gia tăng
- VAT_Amount: Tiền thuế giá trị gia tăng
- Discount_Rate: Tỷ lệ chiết khấu
- Discount_Amount: Tiền chiết khấu
- Amount: Tổng tiền thanh toán
- Amount_words: Tổng tiền thanh toán bằng chữ
- Extra: Thông tin thêm
- isReplace: Thông tin thay thế hóa đơn
- isAdjust: Thông tin điều chỉnh hóa đơn
- Products: Danh sách hàng hóa – dịch vụ
 - Product: Thông tin hàng hóa – dịch vụ
 - ✓ ProdName: Tên sản phẩm – dịch vụ
 - ✓ ProdUnit: Đơn vị tính
 - ✓ ProdQuantity: Số lượng
 - ✓ ProdPrice: Đơn giá
 - ✓ Discount: Phần trăm chiết khấu của hàng hóa dịch vụ
 - ✓ DiscountAmount: Số tiền chiết khấu của hàng hóa dịch vụ
 - ✓ VATRate: Thuế suất VAT của hàng hóa dịch vụ
 - ✓ VATAmount: Tiền thuế VAT của hàng hóa dịch vụ
 - ✓ Amount: Thành tiền của hàng hóa dịch vụ

